

CÁC KỊCH BẢN CÓ THỂ XẢY RA TRONG QUAN HỆ KINH TẾ VIỆT NAM - TRUNG QUỐC - GIẢI PHÁP HẠN CHẾ SỰ PHỤ THUỘC KINH TẾ VÀO TRUNG QUỐC

Bài tổng thuật này sử dụng các nguồn tư liệu từ các báo cáo nghiên cứu đã được công bố và các thông tin từ tạp chí và báo điện tử nhằm cung cấp thông tin về các kịch bản có thể xảy ra về kinh tế trong quan hệ kinh tế Việt Nam – Trung Quốc, phân tích các nguyên nhân dẫn đến tình trạng phụ thuộc của nền kinh tế Việt Nam vào Trung Quốc và tổng hợp những giải pháp hạn chế sự phụ thuộc kinh tế vào Trung Quốc. Đây là một trong loạt bài tổng thuật về vấn đề Biển Đông có tác động tới quan hệ Việt – Trung và trực tiếp ảnh hưởng tới nền kinh tế của Việt Nam.

1. Các kịch bản có thể xảy ra trong quan hệ kinh tế Việt- Trung:

1.1. Nhóm nghiên cứu về quan hệ kinh tế Việt – Trung do Ông Nguyễn Quốc Trường và Ngô Hải Long chủ trì trong báo cáo công bố với chủ đề “**Vụ gian khoan HD-981 và kịch bản hợp tác kinh tế Việt-Trung**” đã đưa ra một số dự báo, trong đó kịch bản “vừa đấu tranh, vừa hợp tác” có nhiều khả năng xảy ra nhất. Cụ thể như sau:

Nghiên cứu đưa ra ba kịch bản chính về quan hệ kinh tế giữa Việt Nam và Trung Quốc trong thời gian tới:

Kịch bản xấu: Trung Quốc tiến hành “trả đũa” mạnh mẽ Việt Nam về kinh tế, hoặc mức cao hơn là cắt đứt quan hệ kinh tế song phương, cấm vận kinh tế trong những năm tới, trong trường hợp tranh chấp ở Biển Đông leo thang.

Kịch bản trung bình: Quan hệ kinh tế giữa hai nước có các thay đổi sâu sắc, chuyển từ “vừa hợp tác, vừa đấu tranh” sang trạng thái “vừa đấu tranh, vừa hợp tác”.

Kịch bản tốt: Sự căng thẳng trên biển Đông không ảnh hưởng đáng kể đến quan hệ kinh tế giữa hai nước.

¹ Nghiên cứu do Công ty cổ phần báo cáo đánh giá Việt Nam - Vietnam Report phối hợp với các chuyên gia trong lĩnh vực quan hệ kinh tế Việt-Trung thực hiện.

Từ tham vọng và thực lực của Trung Quốc, cũng như tín hiệu từ những tuyên bố cứng rắn, bất chấp dư luận quốc tế của giới lãnh đạo nước này trong những ngày qua, khả năng Trung Quốc trả lại sự yên bình cho Biển Đông là khó xảy ra. Điều này đặt Việt Nam trước việc phải chấp nhận một thực tế là trong giai đoạn tới, đất nước sẽ phải phát triển kinh tế trong điều kiện không có môi trường hoàn toàn thuận lợi do những lo ngại về bất ổn. Vì thế, nhóm nghiên cứu cho rằng kịch bản (trung bình) “vừa đấu tranh, vừa hợp tác” có nhiều khả năng xảy ra nhất.

Kịch bản (xấu) cấm vận và trừng phạt kinh tế là khó xảy ra. Trong ngắn hạn Trung Quốc ít có khả năng áp dụng các biện pháp trừng phạt kinh tế mạnh mẽ đối với Việt Nam do bản thân Trung Quốc cũng bị thiệt hại cả về kinh tế và chính trị. Trung Quốc thiếu các công cụ hữu hiệu để trừng phạt và cấm vận kinh tế Việt Nam và sự trừng phạt và cấm vận kinh tế của Trung Quốc không đủ sức gây tác động nghiêm trọng và dài hạn tới nền kinh tế có độ mở cửa rất cao của Việt Nam, v.v...

Trong khi đó, kịch bản tốt, tức là quan hệ kinh tế Việt – Trung hoàn toàn không bị ảnh hưởng, cũng khó xảy ra bởi sự leo thang căng thẳng trên biển Đông chắc chắn sẽ dẫn tới các điều chỉnh chiến lược về kinh tế của các bên có liên quan.

Theo báo cáo này, kịch bản quan hệ kinh tế “vừa đấu tranh, vừa hợp tác” giữa Việt Nam và Trung Quốc có tiềm năng gây khó khăn cho kinh tế Việt Nam do Trung Quốc là đối tác thương mại lớn nhất của Việt Nam và các nhà thầu Trung Quốc chiếm tỷ trọng cao trong các hợp đồng EPC tại các lĩnh vực quan trọng của kinh tế Việt Nam.

1.2. Một ý kiến khác của Giáo sư, TSKH Nguyễn Mại, trong bối cảnh khó lường trước những gì nhà cầm quyền Trung Quốc chủ trương và hành động đối với Việt Nam, dự báo quan hệ kinh tế giữa hai nước có thể diễn ra theo ba kịch bản dưới đây:

Kịch bản xấu nhất: Theo đó, Trung Quốc đơn phương ngừng các quan hệ mậu dịch, du lịch, đầu tư với Việt Nam. Không ai dám khẳng định kịch bản này không thể xảy ra, bởi những gì Trung Quốc đã và đang hành xử đối với nước ta, cũng như những luận điệu tuyên truyền đang được các cơ quan truyền thông nước này tiến hành ở trong nước và trên thế giới không cho phép chúng ta lơ là cảnh giác, phải dự phòng trường hợp xấu nhất để chủ động đề ra hệ thống giải pháp của nhà nước, từng địa phương, các doanh nghiệp và của người dân, nhằm giảm thiểu thiệt hại về kinh tế - xã hội.

Tuy vậy, kịch bản này khó có thể xảy ra vì một số nguyên nhân:

- Bối cảnh chính trị, kinh tế quốc tế và khu vực mà Trung Quốc cần phải cân nhắc (Trung - Mỹ, Trung Quốc - Nhật Bản, Trung Quốc - ASEAN) khi có chủ trương và hành động mới trong quan hệ với nước ta.

- Tình hình nội bộ của Trung Quốc: chính trị, kinh tế, giới cầm quyền, nông dân, sắc tộc.

- Tồn thất mà Trung Quốc gánh chịu khi áp dụng giải pháp xấu nhất trong quan hệ kinh tế đối với Việt Nam.

- Khả năng mà Việt Nam có thể đối phó với kịch bản đó từ tiềm lực nội tại, quan hệ với các nước ASEAN, với Mỹ, Nhật Bản, Hàn Quốc, EU.

Kịch bản giữ nguyên hiện trạng

Mặc dù tình hình Biển Đông căng thẳng, Trung Quốc có thể đề ra chủ trương và hành động mới như cách mà nước này công bố bản đồ “*mười đoạn*” thay cho “*chín đoạn*”, khiêu khích, gây hấn nhiều hơn, nhưng vẫn duy trì quan hệ thương mại, du lịch, đầu tư như hiện nay vì lợi ích kinh tế của nước này và của các doanh nghiệp Trung Quốc, không dễ gì từ bỏ thị trường đầy tiềm năng của nước láng giềng “*núi liền núi, sông liền sông*”, mà trên thực tế, họ đã hưởng lợi lớn trong việc Việt Nam xuất 1 nhập 3, trong buôn bán qua biên giới, v.v...

Kịch bản này là mong muốn của chúng ta để góp phần giải bài toán ổn định kinh tế vĩ mô, kiềm chế lạm phát, bảo đảm an sinh xã hội và phục hồi tốc độ tăng trưởng. Các doanh nghiệp Trung Quốc có quan hệ làm ăn lâu dài với Việt Nam đang được hưởng lợi từ quan hệ thương mại, du lịch và đầu tư cũng hy vọng duy trì hiện trạng.

Tuy vậy, đó không phải là mong muốn của nhà cầm quyền Trung Quốc, vì họ luôn tìm cách giảm thiểu lợi ích của Việt Nam trong quan hệ giữa hai nước, không muốn có một Việt Nam hùng mạnh nằm ngoài tầm ảnh hưởng của Trung Quốc.

Kịch bản trung bình

Trung Quốc tiếp tục hành động gây hấn trên biển (có thể cả ở biên giới trên bộ), lợi dụng mọi lúc, mọi nơi để tìm cách “*phá rối*” quan hệ thương mại, du lịch, dịch vụ, đầu tư, nhằm gây thiệt hại lớn nhất cho Việt Nam, nhưng vẫn duy trì quan

hệ buôn bán hai chiều, du lịch giữa công dân hai nước, đầu tư tại Việt Nam, những dự án không tạo ra sức mạnh để cạnh tranh với Trung Quốc.

Kịch bản này dễ xảy ra nhất, do vậy, dù phải đề ra các giải pháp ứng phó với kịch bản xấu nhất, nhưng cần tính toán chi tiết mọi hậu quả của kịch bản này để chủ động các phương án đối phó.

Vụ bạo động xảy ra ở Bình Dương, Đồng Nai và Hà Tĩnh là điềm báo về kịch bản này. Đã có thể lực nào đứng đằng sau những cuộc biểu tình, đốt phá, cướp bóc, đánh người nước ngoài để làm xấu đi hình ảnh một nước Việt Nam ổn định chính trị và an ninh, an toàn cho nhà đầu tư quốc tế? Một ngày sau khi sự kiện xảy ra, Trung Quốc đã sẵn sàng đưa tàu biển vào cảng biển Hà Tĩnh đón người của họ về nước.

Tóm lại, kịch bản nào sẽ xảy ra trong quan hệ kinh tế giữa nước ta với Trung Quốc tùy thuộc vào cả hai phía: ý đồ của nhà cầm quyền Trung Quốc và phương thức hành động của Việt Nam để đối phó với ý đồ đó, cũng như hoạt động của các cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội trong việc làm cho dư luận quốc tế ngày càng lên án hành động sai trái của Trung Quốc, ủng hộ Việt Nam trong việc bảo vệ chủ quyền bằng biện pháp hòa bình, ngoại giao và luật pháp quốc tế.

2. Phân tích các nguyên nhân dẫn đến tình trạng phụ thuộc của nền kinh tế Việt Nam vào Trung Quốc

Tình trạng phụ thuộc ngày càng tăng về kinh tế của Việt Nam vào Trung Quốc đã diễn ra trong suốt một thời gian khá dài, diễn biến phức tạp và có xu hướng ngày càng tăng về quy mô và mức độ nghiêm trọng là xuất phát từ một số nguyên nhân chủ yếu sau đây:

2.1. Sự mất cảnh giác trong nhận thức và bất lực về phản ứng chính sách của các cơ quan chức năng và hoạch định chính sách trước nguy cơ phụ thuộc kinh tế vào Trung Quốc

Điều này có thể thấy rõ trong cách đánh giá và nhìn nhận vấn đề một cách phiến diện và hời hợt của một số người có trách nhiệm. Trong một lần trả lời phỏng vấn Báo Đất Việt, Bà Phạm Thị Hồng Thanh - Phó Vụ trưởng Vụ Châu Á - Thái Bình Dương, Bộ Công thương nhận định, “... tuy một số hàng nông sản sang Trung Quốc có khó khăn nhưng thực tế hàng nông sản sang Trung Quốc vẫn rất tốt... Việt Nam đã ký với Trung Quốc một bản ghi nhớ vào cuối năm 2013 về xuất khẩu nông sản, việc bán nông sản sang Trung Quốc sau đó đã ổn định và phát triển hơn”!

Mới đây, trước tin đồn đóng cửa khẩu biên giới khiến giá khoai lang tại Vĩnh Long đã giảm còn một nửa, ông Nguyễn Văn Kỳ - Tổng Thư ký Hiệp hội Rau quả Việt Nam cho biết, Việt Nam đang xuất siêu rau củ quả sang Trung Quốc. Thậm chí Ông Kỳ còn cho rằng *"những xung đột ở Biển Đông từ trước đến nay diễn ra nhiều, nhưng hoạt động kinh tế thì không ảnh hưởng. Các sản phẩm rau, củ, quả là những mặt hàng cần thiết cho cuộc sống hàng ngày, liên quan tới cuộc sống của hàng triệu người nông dân ở cả hai nước, đặc biệt là các doanh nghiệp xuất nhập khẩu nên sẽ không ảnh hưởng gì!"*

Theo chuyên gia kinh tế Phạm Chi Lan, Việt Nam đã chậm trễ trong điều chỉnh chính sách theo đó, lẽ ra Nhà nước đã phải thay đổi hệ thống chính sách khuyến khích, hệ thống phân bổ nguồn lực, theo tiêu chí hiệu quả sử dụng nguồn lực để giảm dần sự phụ thuộc vào Trung Quốc. Phải khuyến khích doanh nghiệp tiết kiệm tài nguyên, năng lượng, tạo năng suất cao hơn. Liên quan đến cơ chế xuất nhập khẩu tiểu ngạch, Bộ Công Thương tuy cũng thấy được những hạn chế, bất cập nhưng phản ứng khá yếu ớt, trong khi đáng lẽ phải đấu tranh với phía Trung Quốc quyết liệt hơn để hạn chế nhập tiểu ngạch, chuyển sang chính ngạch. Về phần mình, Việt Nam cần tăng cường hiệu quả giám sát của các cơ quan quản lý nhà nước, đặt lợi ích đất nước lên trên lợi ích cục bộ ngành, địa phương.

Theo TS. Phạm Sỹ Thành, Giám đốc Chương trình Nghiên cứu kinh tế Trung Quốc thuộc Trung tâm Nghiên cứu kinh tế và chính sách (VEPR), “trong quá trình gắn kết với kinh tế Trung Quốc, Việt Nam đã không tận dụng được đầy đủ các lợi ích của sự gắn kết, đồng thời chưa có các phương án thay thế trong trường hợp xảy ra rủi ro (ví dụ chiến tranh, chiến tranh thương mại, chiến tranh tiền tệ, đảm bảo an ninh năng lượng, vận tải biển quốc tế...)”.

2.2. Bộ máy quản lý của Nhà nước Việt Nam kém hiệu suất và năng lực, đạo đức và tinh thần trách nhiệm của một số quan chức các cấp có vấn đề lớn cần sớm được cải thiện. Mặt khác, từ khi gia nhập WTO và tham gia các hiệp định thương mại tự do, Việt Nam có khuynh hướng mở rộng cửa thị trường trong nước cho hàng hóa và tư bản nước ngoài nhưng thiếu các chính sách, biện pháp kiểm soát hữu hiệu để loại trừ những dự án FDI thiếu chất lượng hoặc có vấn đề về an ninh quốc gia, loại bỏ những doanh nghiệp tham gia đấu thầu không có khả năng đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật hoặc có tiền án vi phạm các cam kết. Riêng đối với Trung Quốc, Việt Nam còn chịu ảnh hưởng bởi phương châm 4 tốt và 16 chữ vàng, trong đó có 4 chữ “hợp tác toàn diện”. Những quan chức thiếu tinh thần dân tộc khi bị mua chuộc có thể dựa vào phương châm đó để dễ dàng cấp phép các dự án theo yêu cầu của doanh nghiệp Trung Quốc. Không thay đổi được tình hình này thì mọi chính sách thoát Trung đều sẽ thất bại.

2.3. Ở một bình diện cao hơn, Việt Nam thiếu một tầm nhìn chiến lược trong quan hệ với một nước láng giềng khổng lồ và đang trong quá trình trở dậy rất mạnh. Trung Quốc trở thành công xưởng của thế giới chỉ trong thời gian vài mươi năm. Việt Nam không chủ động có chiến lược phát triển mạnh mẽ và đặc biệt có biện pháp đối phó thì bị làn sóng công nghiệp từ phương Bắc đè bẹp là dễ hiểu. Lý thuyết địa kinh tế cho thấy trung tâm (center) phát triển mạnh mẽ sẽ lôi cuốn các khu vực ngoại vi (periphery) vào quỹ đạo của mình nếu khu vực ngoại vi không thay đổi được các điều kiện kinh tế để xác lập cho mình một trung tâm mới. Nếu có sự chênh lệch quá lớn về quy mô và về thời điểm cũng như tốc độ phát triển, các hoạt động sản xuất có khuynh hướng tập trung về trung tâm. Nếu hàng rào quan thuế và phí tổn giao thông đủ lớn sẽ làm yếu lực dẫn đó và các khu vực ngoại vi cũng có thể phát triển độc lập với trung tâm. Nhưng với trào lưu tự do ngoại thương ngày nay và phí tổn giao thông không lớn do sự tiếp giáp địa lý giữa trung tâm và ngoại vi, nguy cơ lệ thuộc của vùng ngoại vi có khả năng cao. Nguy cơ đó chỉ được khắc phục nếu lãnh đạo của vùng “ngoại vi” có ý thức độc lập và tìm mọi cách khắc phục lực dẫn từ “trung tâm”.

2.4. Những bất cập trong nội tại của nền kinh tế Việt Nam đặc biệt là về cơ cấu các ngành kinh tế và các mặt hàng xuất khẩu, trong đó, biểu hiện rõ nét nhất là tình trạng Việt Nam xuất khẩu sang Trung Quốc các hàng thô, sơ chế, có giá trị gia tăng thấp và nhập khẩu các hàng thành phẩm có giá trị gia tăng cao.

TS. Phạm Sỹ Thành cho biết nguyên nhân của tình trạng này là do công nghệ và sự phát triển yếu kém của công nghiệp phụ trợ của Việt Nam. Để chứng minh cho nhận định này, TS. Phạm Sỹ Thành cho biết Việt Nam xuất khẩu sang Trung Quốc 30 triệu đô la Mỹ thì nhập khẩu từ quốc gia này 300 triệu đô la Mỹ mặt hàng nông sản cùng loại. "Điều này cho thấy hoạt động quản lý thị trường hoặc chính sách thương mại của Việt Nam đang có vấn đề".

Trong cơ cấu thương mại Việt – Trung, trên 70% tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam chủ yếu là các sản phẩm có giá trị gia tăng thấp, giá cả lại thường có xu hướng giảm, kéo dẫn khoảng cách giá ngày càng lớn so với các sản phẩm chế biến – chế tạo. Còn trên 80% giá trị các sản phẩm nhập khẩu từ Trung Quốc chủ yếu là hóa chất, sản phẩm chế tác cơ bản, máy móc thiết bị có xu hướng cao hơn so các sản phẩm thuộc nhóm nguyên liệu thô và tài nguyên.

Các doanh nghiệp Trung Quốc trúng thầu EPC phần lớn các công trình năng lượng, khai khoáng, luyện kim ở Việt Nam đã góp phần đẩy kim ngạch nhập khẩu máy móc thiết bị từ Trung Quốc lên cao, do gói tổng thầu EPC bao gồm cả cung cấp toàn bộ máy móc thiết bị cho công trình.

2.5. Do phương thức kinh doanh, mua bán không phù hợp và bất lợi cho phía Việt Nam

Có một thực tế là hàng hóa Việt Nam nếu xuất khẩu theo con đường tiêu ngạch thường do thương nhân Trung Quốc thu mua tận gốc với giá rẻ, còn nếu theo con đường chính ngạch thì mới chỉ thâm nhập vào các tỉnh ven biên giới như Vân Nam, Quảng Tây, Quảng Đông mà chưa thể thâm nhập sâu vào nội địa Trung Quốc là nơi có sức tiêu thụ lớn và thị trường có nhiều tiềm năng.

2.6. Những bất cập trong quy định về đấu thầu đã dẫn đến việc các nhà thầu Trung Quốc trúng thầu nhiều dự án cơ sở hạ tầng quan trọng tại Việt Nam nhờ bỏ giá thấp (trên cơ sở được Chính phủ Trung Quốc trợ giá). Với cách làm này Trung Quốc không phải bỏ tiền vốn đầu tư nhưng lại nhận được rất nhiều dự án lớn ở Việt Nam ở các ngành quan trọng nhất là trong ngành điện và một số ngành xây dựng cơ bản thông qua việc tham gia đấu thầu các dự án.

2.7. Khách quan mà nói, Trung Quốc đang có những lợi thế vượt trội về kinh tế - thương mại và năng lực cạnh tranh so với Việt Nam. Hàng hóa từ Trung Quốc nhập khẩu vào Việt Nam hầu hết đều có giá rất rẻ, do chi phí nhân công lao động vào loại thấp nhất thế giới. Do vị trí địa lý thuận tiện, nên chi phí vận chuyển thấp. Đồng thời, Trung Quốc vẫn duy trì chính sách hỗ trợ xuất khẩu. Với giá rẻ, nguồn cung dồi dào, phương thức mua bán linh hoạt, thuận tiện, hàng tiêu dùng Trung Quốc được nhiều người Việt Nam chấp nhận. Nguyên phụ liệu từ Trung Quốc được nhập khẩu nhiều một phần do giá rẻ, nhưng mặt khác là do Việt Nam chưa có ngành công nghiệp hỗ trợ đủ mạnh. Máy móc thiết bị của Trung Quốc được nhiều DNNVV Việt Nam lựa chọn do khả năng tài chính hạn chế, đồng thời thích hợp với trình độ công nghệ của các doanh nghiệp này.

2.8. Trong thương mại và đầu tư, Trung Quốc có nhiều thủ pháp xúc tiến giành lợi thế xuất khẩu như khuyến mại, ứng hàng cho thương nhân nhập khẩu, thanh toán bù trừ, hoàn đổi tiền tệ để khuyến khích thương nhân Việt Nam nhập khẩu. Tại các diễn đàn hợp tác biên mậu, các chuyên gia Trung Quốc từng khuyến khích sử dụng nhân dân tệ để buôn bán. *Việc sử dụng nhân dân tệ với các dịch vụ đổi tiền tự phát ở biên giới đã kích thích nhập khẩu hàng hóa Trung Quốc.*

2.9. Về phía Việt Nam, hầu như không có hàng rào kỹ thuật đối với hàng nhập khẩu Trung Quốc. Do đó, hàng hóa của Trung Quốc bất kể chất lượng, phẩm cấp thế nào vẫn được nhập khẩu vào Việt Nam.

2.10. Mặt khác, tình trạng phân tán, manh mún, “mạnh ai người đẩy chạy”, thiếu tổ chức, mất đoàn kết và lợi ích cục bộ của các nhà sản xuất trong

nước cũng gián tiếp làm suy yếu sức cạnh tranh và vị thế của các doanh nghiệp Việt Nam, đồng thời là điểm yếu có thể bị các đối tác Trung Quốc lợi dụng để thu lợi.

3. Các giải pháp tăng cường sự độc lập về kinh tế của Việt Nam

Trước hết, cần thống nhất nhận thức rằng trong bối cảnh toàn cầu hóa, quốc tế hóa nhiều lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội đang trở thành một xu thế chung, không thể đảo ngược, sự phụ thuộc, đan xen, giao thoa lẫn nhau giữa các nền kinh tế là điều khó tránh khỏi, nhất là giữa các nền kinh tế có sự gần gũi về nền tảng chính trị, khoảng cách địa lý và truyền thống lịch sử. Đặc biệt, với một nền kinh tế có quy mô lớn thứ hai và được dự báo vươn lên vị trí dẫn đầu trên thế giới vào năm 2020 như Trung Quốc, việc hoàn toàn cách ly hoặc độc lập tuyệt đối với nền kinh tế Trung Quốc là điều không tưởng. Vấn đề là cần từng bước hạn chế sự phụ thuộc thái quá vào Trung Quốc, đồng thời, tranh thủ khai thác những yếu tố tích cực trong quan hệ kinh tế với nước láng giềng khổng lồ và khó chơi này để thúc đẩy sự phát triển bền vững và tự chủ của nền kinh tế Việt Nam. Điều này có ý nghĩa cấp bách trong bối cảnh những căng thẳng trong tranh chấp chủ quyền giữa Việt Nam và Trung Quốc đang ngày càng gia tăng.

Để giảm dần sự phụ thuộc về kinh tế vào Trung Quốc, trong thời gian trước mắt và lâu dài Việt Nam cần xây dựng và thực hiện thành công một chiến lược phát triển kinh tế hướng tới sự độc lập ở mức độ cao về kinh tế, thông qua các giải pháp sau đây:

3.1. Cần chủ động điều chỉnh chính sách kinh tế vĩ mô trước tình hình mới và tích cực chuẩn bị cho những tình huống xấu hơn có thể xảy ra trong quan hệ với Trung Quốc. Về trung và dài hạn, cần tính đến việc Việt Nam chuyển trục trong quan hệ kinh tế với Trung Quốc.

Đứng trước một thực tế là quy mô và trình độ phát triển kinh tế của Trung Quốc lớn hơn và cao hơn nhiều so với Việt Nam, chúng ta cần ý thức về sự bất lợi này và tìm chiến lược bù trừ với bất lợi đó để tránh được sức hút của “trung tâm” kinh tế lớn này. Theo TS. Lê Đăng Doanh, Việt Nam “đang có và sẽ tiếp tục quan hệ với Trung Quốc với tư cách nền kinh tế thứ hai và là công xưởng của thế giới. Vị trí ngay cạnh Trung Quốc là một lợi thế về địa chính trị, phải tận dụng cái đó, thay vì than phiền rằng hàng xóm chơi xấu”. Việt Nam sẽ phải có những thay đổi quan trọng để thích ứng với tình hình mới, trong đó, Việt Nam sẽ ngày càng khó tận dụng hơn những cơ hội lớn từ sự trỗi dậy về kinh tế của Trung Quốc. Sẽ là thiếu thực tiễn và bỏ lỡ cơ hội nếu Việt Nam tìm cách hạn chế quan hệ kinh tế giữa

hai nước. Thay vào đó, Việt Nam cần có một chiến lược hợp tác kinh tế quốc tế khôn ngoan hơn và cân bằng hơn. Hơn nữa, những chuyển động gần đây của quan hệ kinh tế Việt - Trung cần được đặt trong bối cảnh rộng hơn, khi hàng loạt thay đổi mạnh mẽ về thể chế kinh tế, về cấu trúc kinh tế, về vai trò của Nhà nước trong nền kinh tế, về chế độ sở hữu, về giá cả cạnh tranh, về hội nhập kinh tế quốc tế... đang diễn ra.

3.2. Từng bước điều chỉnh các quan hệ kinh tế với Trung Quốc để đưa các hiện tượng bất thường về kinh tế với Trung Quốc trở lại trạng thái bình thường, giống như quan hệ giữa Việt Nam với các nước khác. Áp dụng các tiêu chuẩn phổ quát, các quy định trong các bang giao kinh tế quốc tế và các chính sách, các quy định của riêng Việt Nam, để loại bỏ những doanh nghiệp, những dự án kém chất lượng, những lao động nước ngoài không cần thiết của bất cứ nước nào, kể cả Trung Quốc. Mặt khác, trước khi quyết định ban hành các chính sách kinh tế đối ngoại phải ý thức được sự tồn tại của Trung Quốc, phải lường trước những tác động, hậu quả đến từ nước láng giềng khổng lồ phía Bắc.

3.3. Trong dài hạn, vấn đề căn bản là Việt Nam phải từng bước phát triển vững chắc thành một nước giàu, mạnh, dân chủ, văn minh, theo những chuẩn mực phổ quát mà các nước tiên tiến đã đạt được và nhiều nước khác đang hướng tới. Muốn vậy, phải tiến hành các cuộc cải cách thể chế toàn diện theo hướng dân chủ hóa và trọng dụng nhân tài để động viên các nguồn lực, nhất là nguồn nhân lực có cả trong và ngoài nước, hướng vào các mục tiêu ấy. Hiện nay, nội lực Việt Nam đang suy yếu, đạo đức xã hội sút kém, bộ máy nhà nước còn nhiều vấn đề, giáo dục, y tế, nghiên cứu khoa học đang xuống dốc. Không mạnh dạn cải cách thể chế thì không có tiền đề để phát triển mạnh mẽ. Những cải cách này còn có hiệu quả làm giảm phí tổn hành chính, tăng chất lượng hạ tầng, chất lượng lao động và như vậy sẽ bù trừ những bất lợi về quy mô kinh tế so với Trung Quốc. Việt Nam cần đổi mới hệ thống chính trị để xây dựng một chế độ chính trị tiến bộ hơn, tốt hơn Trung Quốc và được thế giới đánh giá cao, từ đó Việt Nam sẽ có một sức mạnh mềm hơn hẳn Trung Quốc. Trong thời đại toàn cầu hóa này, chính những giá trị đó sẽ thu hút đầu tư và hợp tác từ những nền kinh tế đã phát triển với chất lượng cao như Nhật, Mỹ, Tây Âu. Kết hợp nội lực và ngoại lực theo hướng này sẽ tạo nên sức mạnh đề kháng được với sự trỗi dậy của nền kinh tế khổng lồ ở phía Bắc.

3.4. Có nhiều khả năng tranh chấp xung quanh việc Trung Quốc hạ đặt trái phép dàn khoan bên trong vùng đặc quyền kinh tế của Việt Nam sẽ kéo dài và tiếp tục leo thang. Do đó, Việt Nam cần tính đến khả năng có thể Trung Quốc sẽ ngừng các hoạt động xuất nhập khẩu với Việt Nam. Nếu khả năng này xảy ra, tác động

đến nền kinh tế của Trung Quốc rất ít nhưng tác động đến nền kinh tế của Việt Nam lại rất lớn, nhất là trong ngắn hạn. Vì vậy, Việt Nam chúng ta cần có phương án tính đến tình huống này để giảm bớt các tác động tiêu cực đối với kinh tế Việt Nam. Cụ thể là:

- Ngành điện cần có phương án bù đắp nguồn nếu Trung Quốc ngừng bán điện cho nước ta. Các doanh nghiệp cần chủ động tìm những thị trường xuất khẩu mới thay thế cho thị trường này để chuẩn bị cho những khó khăn có thể xuất hiện.

- Với các công trình đầu tư do các nhà đầu tư và nhà thầu Trung Quốc để lại dở dang, cần tìm ra giải pháp thích hợp để bảo toàn công trình, hạn chế thất thoát và tìm nguồn để kết thúc công trình.

- Cần khai thác sâu hơn những thị trường truyền thống và đa dạng hóa thị trường mới để tránh tình trạng phụ thuộc quá nhiều vào Trung Quốc hay bất kỳ thị trường nào khác. Cụ thể, cần chủ động phát hiện, tìm kiếm khu vực thay thế nhập khẩu nguyên liệu; tái cơ cấu chu trình sản xuất theo hướng nhập khẩu hàng hóa có vốn đất hơn từ Hàn Quốc, ASEAN, Mỹ, EU; nên kéo dài chu trình sản xuất, không quay vòng vốn nhanh để tránh rủi ro lệ thuộc vào Trung Quốc. Nếu tích cực, khẩn trương có đối sách, Việt Nam có thể hạn chế các tác động tiêu cực trong quan hệ kinh tế với Trung Quốc, có thể mạnh lên trong quá trình tái cơ cấu kinh tế này.

3.5. Để hạn chế nhập siêu từ Trung Quốc cũng như giảm ảnh hưởng từ một vài thị trường lớn, cần một chiến lược tổng thể và dài hơi. Trước hết, cần tập trung ưu tiên đẩy mạnh tái cơ cấu nền kinh tế, phát triển công nghiệp phụ trợ, vùng nguyên liệu và những ngành chế biến nâng cao giá trị gia tăng cho hàng xuất khẩu, mở rộng thị trường mới; tăng quản lý đường biên mậu để gia tăng xuất nhập khẩu chính ngạch.

Thiết lập và quản lý hiệu quả các hàng rào kỹ thuật đối với hàng hóa Trung Quốc như:

- Đa dạng hóa danh mục hàng xuất khẩu, tăng năng suất để thúc đẩy ngành công nghiệp trong nước, từ đó hạn chế nhập thiết bị, máy móc; xây dựng các quy định về hóa chất, phụ gia; quy định về truy xuất nguồn gốc sản phẩm, bảo vệ môi trường,...

- Lên “danh sách đen” những mặt hàng cấm nhập, buộc phải tiêu hủy và tái xuất; tiết giảm nhập khẩu hàng tiêu dùng, vật tư trong nước sản xuất được; xây dựng và hướng dẫn chỉ đạo với chế tài xử phạt vi phạm thực hiện danh mục máy móc, thiết bị, vật tư nguyên liệu trong nước sản xuất được.

- Tăng kiểm tra, kiểm soát chống gian lận thương mại, nhãn hiệu hàng hóa, xuất xứ hàng hóa; tăng thông tin cập nhật cảnh báo chất lượng hàng Trung Quốc gây độc hại để hỗ trợ tiêu dùng lành mạnh;

- Đưa ra quy định hành chính về những loại hàng nào của Trung Quốc phải đi qua các cửa khẩu nào của Việt Nam. Đây là những biện pháp được WTO cho phép mà chúng ta cần tận dụng tối đa để hạn chế nhập khẩu những mặt hàng kém chất lượng hoặc không đúng quy cách và yêu cầu của Việt Nam. Đây cũng là cách để chúng ta tự bảo vệ mình trong mối quan hệ song phương này.

- Cùng với đẩy mạnh cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”, các doanh nghiệp Việt Nam cần coi trọng đặt hàng, đấu thầu trong nước trước khi nhập khẩu, hỗ trợ và thúc đẩy nhau sản xuất và tiêu thụ cho nhau. Trong công cuộc hội nhập quốc tế, tăng cường sức mạnh nội lực vẫn là yếu tố cốt lõi để từng bước tự cường, tự chủ về mặt kinh tế, tạo đà thắng lợi cho nhiều lĩnh vực khác.

3.6. Đẩy mạnh tái cơ cấu nền kinh tế gắn với yêu cầu độc lập, tự chủ về kinh tế và hạn chế sự phụ thuộc đang có chiều hướng gia tăng vào Trung Quốc. Mỗi ngành, mỗi doanh nghiệp cần nhận thức rõ ràng và đầy đủ nguy cơ, kịp thời điều chỉnh chuỗi cung ứng của mình để nâng cao giá trị gia tăng trong nước, giảm phụ thuộc vào nguồn nhập khẩu truyền thống từ Trung Quốc. Chẳng hạn như ngành dệt may, da giày cần nhanh chóng nâng cao tỷ lệ nội địa hóa, đa dạng hóa nguồn nhập khẩu các linh kiện, phụ liệu từ các nền kinh tế khác để giảm khả năng bị tổn thương. Tỷ lệ nhập khẩu từ Trung Quốc của ngành dệt may phải nhanh chóng giảm từ mức 65% hiện nay xuống mức an toàn hơn. Điều đó đòi hỏi nỗ lực rất lớn của các doanh nghiệp và sự hỗ trợ của các ngành liên quan. Đây cũng là cơ hội để dệt may và da giày chuyển mạnh từ tình trạng gia công sang chủ động sản xuất theo tín hiệu thị trường. Điều này hoàn toàn phù hợp với yêu cầu về xuất xứ hàng hóa để được hưởng ưu đãi thuế của Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP) mà nước ta đang tích cực đàm phán. Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - EU cũng mở ra một khả năng có thị trường mới cho xuất khẩu của nước ta nếu được ký kết vào cuối năm nay.

3.7. Đẩy mạnh việc đàm phán và ký kết các hiệp định thương mại tự do song phương và đa phương (FTA) đặc biệt là Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP) và FTA với EU để giúp giảm sự lệ thuộc vào Trung Quốc. Các FTA sẽ giúp mở ra thị trường mới cho doanh nghiệp trong nước, kêu gọi thêm đối tác thương mại từ các thị trường đó đến Việt Nam. Theo Bộ Công Thương, Việt Nam đang đàm phán 6 hiệp định FTA gồm TPP, FTA với EU, FTA với Hàn Quốc, FTA

với Liên minh Hải quan Nga - Belarus - Kazakhstan, FTA với Khối thương mại tự do gồm các nước Na Uy, Thụy Sĩ, Iceland và Liechtenstein và Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện giữa các nước ASEAN và 6 đối tác. Bộ trưởng Bộ Công thương Vũ Huy Hoàng cho biết các hiệp định với EU và Hàn Quốc có thể được ký kết vào cuối năm nay. Trong số các hiệp định trên, 2 hiệp định được kỳ vọng sẽ có tác động lớn đến nền kinh tế và giúp Việt Nam giảm sự lệ thuộc vào Trung Quốc nhiều nhất là TPP và FTA với EU. Theo ông Marc Townsend, Chủ tịch Phòng Thương mại Mỹ (AmCham) tại Việt Nam, TPP sẽ giúp tăng 28,4% tổng sản phẩm quốc nội (GDP) của Việt Nam trong năm 2025 so với mức tăng khi không có sự hỗ trợ từ TPP, đồng thời gia tăng 35,7% xuất khẩu của Việt Nam. Trong khi đó, ông Tomaso Andreatta, Phó Chủ tịch Phòng Thương mại châu Âu tại Việt Nam, ước tính GDP của Việt Nam có thể tăng hơn 15%, tiền lương thực tế của lao động có tay nghề cao có thể tăng khoảng 12%, tiền lương thực tế của lao động phổ thông có thể tăng khoảng 13% và giá trị xuất khẩu có thể tăng lên gần 35% sau khi FTA giữa EU với Việt Nam được ký kết.

3.8. Ngoài ra, để hạn chế tình trạng chảy máu tài nguyên, ***Việt Nam cần có chính sách khai khoáng hợp lý để tối đa hóa lợi nhuận của ngành***; xây dựng hệ thống thuế và phí tài nguyên cho phép Chính phủ tái phân bổ nguồn thu này một cách hiệu quả vào các lĩnh vực sản xuất. Thiết lập tài khoản kế toán tài sản và tham gia hệ thống minh bạch EITI để quản lý nguồn lợi thu được từ xuất khẩu tài nguyên.

3.9. ***Sửa đổi, bổ sung ngay một số điều trong Luật Đấu thầu*** hiện nay, lấy các yêu cầu về năng lực của nhà thầu dựa trên cơ sở khoa học - công nghệ, năng lực sản xuất, năng lực tài chính mạnh, chất lượng thiết bị tốt chứ không phải lựa chọn hồ sơ “năng lực ảo” như trong thời gian qua. Giá dự thầu không nên được xem là tiêu chí quyết định trong việc trao hợp đồng EPC, thay vào đó, các vấn đề như chất lượng, tiến độ, tổng chi phí bao gồm dịch vụ sau bán hàng, mức độ tiên tiến của công nghệ và khả năng chuyển giao công nghệ cho lao động trong nước nên được xem là các yếu tố quyết định. Các cơ chế, chính sách ưu đãi cần được áp dụng để tạo cơ hội cho các nhà thầu Việt Nam và các nhà đầu tư nước ngoài có cơ sở sản xuất, chế tạo thiết bị năng lượng tại Việt Nam.

3.10. Việc mời thầu vào các dự án trọng điểm về năng lượng, khai khoáng có thể tính đến việc ban hành danh mục cấm đấu thầu đối với một số nhà thầu nước ngoài như... Trung Quốc. Để giảm bớt những tác động tiêu cực trong tương lai, Việt Nam cần hoàn thiện khung khổ pháp lý đối với hoạt động đấu thầu. Có quy định cụ thể về tỷ lệ nội địa hóa trong quá trình thi công công trình. Mạnh tay xét xử các vụ án tham nhũng, hối lộ trong các công trình liên quan đến vốn ODA và tổng

thầu. Bên cạnh đó, việc mời thầu vào các dự án trọng điểm về năng lượng, khai khoáng có thể tính đến việc ban hành danh mục cấm đấu thầu đối với một số nhà thầu nước ngoài. Các quốc gia khác trên thế giới đều làm như vậy khi thực hiện các công trình liên quan đến an ninh (bao gồm cả an ninh truyền thống và phi truyền thống) và quốc phòng. Ôtxtrâyliia, Mỹ, Canada đều đã từng không chỉ cấm một số tập đoàn viễn thông và dầu mỏ của Trung Quốc đấu thầu các dự án trọng điểm của mình mà còn bác bỏ các vụ mua bán - sáp nhập của các tập đoàn này với các công ty trong nước vì lý do an ninh.

Kết luận

Tự chủ kinh tế có quan hệ biện chứng với tự chủ về chính trị, văn hóa, xã hội và các vấn đề khác củng cố sự độc lập, tự chủ và sức mạnh tổng hợp của quốc gia. Trên tinh thần đó, *Chỉ thị về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế xã hội và dự toán ngân sách Nhà nước năm 2015* của Thủ tướng Chính phủ vừa đưa ra đã yêu cầu các cấp, ngành và địa phương cần tính đến các nhân tố gây căng thẳng và bất ổn khu vực khi xây dựng các kịch bản kế hoạch phát triển cho thời gian tới, với mục tiêu tăng tính tự chủ về kinh tế và giảm thiểu các thiệt hại do phụ thuộc quá nhiều và một chiều vào một thị trường, một đối tác...

Một trong những nguyên tắc, nội dung và bài học lớn về hội nhập quốc tế trong một thế giới ngày càng toàn cầu hóa và tùy thuộc lẫn nhau là: mở cửa và chủ động hội nhập, đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ quốc tế... phải luôn gắn liền với bảo đảm tự chủ và ổn định kinh tế vĩ mô và vi mô, trước mắt cũng như lâu dài. Nhận thức này đã, đang và sẽ tiếp tục được khẳng định nhất quán trong các chủ trương, chiến lược, nghị quyết, sự chỉ đạo, lãnh đạo của Đảng và hoạt động quản lý nhà nước của Việt Nam...

Tự chủ kinh tế có quan hệ biện chứng với tự chủ về chính trị, văn hóa, xã hội và các vấn đề khác, củng cố sự độc lập, tự chủ và sức mạnh tổng hợp của quốc gia. Sự phụ thuộc một chiều, quá lớn và kéo dài vào dòng hàng nhập siêu từ một nước, dù với cơ cấu và lý do nào, đều ẩn chứa những yếu tố không bình thường, lợi bất cập hại, làm tăng độ rủi ro và tính dễ tổn thương của nền kinh tế, thậm chí có thể bị áp đặt những điều kiện kinh tế, chính trị gây tổn hại đến chủ quyền quốc gia và lợi ích cơ bản của dân tộc.

Về bản chất, tự chủ kinh tế ngày nay không có nghĩa là duy trì hoặc tăng tính tự cung, tự cấp và tự mình làm tất-ăn cả, bất chấp hiệu quả kinh tế, mà ngược lại, mỗi quốc gia và doanh nghiệp cần tích cực tham gia quá trình phân công và hợp tác lao động quốc tế, dựa trên các lợi thế so sánh phù hợp với từng giai đoạn

và bối cảnh lịch sử; tham gia đảm nhận ngày càng nhiều và vững chắc hơn những công đoạn có giá trị gia tăng cao, chế biến sâu và hiệu quả lớn trong chuỗi cung ứng giá trị toàn cầu; đồng thời, ngày càng tiếp cận và hài hòa các yêu cầu chuẩn chung về môi trường, quản trị chất lượng sản phẩm và bảo đảm điều kiện kinh doanh công bằng khác, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững, vì sự phát triển tự do và toàn diện, không ngừng cải thiện chất lượng sống của con người.

Tự chủ kinh tế để chủ động hội nhập quốc tế hiệu quả; Mặt khác, chủ động hội nhập quốc tế toàn diện và sâu, rộng luôn là điều kiện và giải pháp tốt nhất để phát triển nền kinh tế độc lập, tự chủ, phấn đấu vì một Việt Nam dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng và văn minh, cũng như góp phần tích cực vào quá trình tiến bộ, văn minh và hòa bình cho nhân loại trên toàn thế giới./.

Tài liệu trích tổng thuật:

Tài liệu tham khảo đặc biệt; Tạp chí Nghiên cứu Trung Quốc, Tạp chí Tài chính; Các website: Tin nhanh Việt Nam, Kinh tế Sài Gòn Online, Báo Điện tử Chính phủ, Tổng cục Hải quan, Báo dân trí, Thời báo Ngân hàng, Báo Lao động,...